

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2025/DS-PT
Ngày 10-7-2025
V/v Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền
trong giao dịch dân sự

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Thẩm phán: Ông Lộc Sơn Thái

Bà Lương Thị Nguyệt

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hà Mi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:**
Bà Hoàng Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2025/TLPT-DS, ngày 02 tháng 6 năm 2025, về việc Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền trong giao dịch dân sự.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Lạng Sơn, trước đây là Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 36/2025/QĐPT-DS ngày 25 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Hoàng Văn S; có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Vy Văn K; có mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn B, xã K, tỉnh Lạng Sơn, trước đây là xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Lù Thị L; có mặt.

2. Chị Hoàng Diệu L; vắng mặt.

3. Anh Hoàng Văn Đ; vắng mặt.

4. Chị Hoàng Diệu B; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn B, xã K, tỉnh Lạng Sơn, trước đây là xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

Người kháng cáo: Ông Vy Văn K là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Lù Thị L là vợ của ông Hoàng Văn S. Họ có 03 người con đó là chị Hoàng Diệu L, anh Hoàng Văn Đ, chị Hoàng Diệu B.

Năm 2003, ông Hoàng Văn S và ông Vy Văn K có quan hệ mua bán hàng hóa với nhau, trong đó có mặt hàng thịt lợn. Tại Sổ sách ghi chép của nguyên đơn ông Hoàng Văn S (viết tắt là Sổ ghi chép của nguyên đơn) có nội dung: "*Cộng số K lấy thịt lợn của*

S là (19808)

*27/12 (mười chín triệu tám trăm
linh tám)*

(có chữ ký của K)

Tiền thịt lợn chung

lãi 1.068.000 chẵn

(một triệu không trăm sáu tám)

đã cộng K"

Tại Sổ sách ghi chép của bị đơn ông Vy Văn K (viết tắt là Sổ ghi chép của bị đơn) có nội dung: "*07-10-2006 Tổng cộng công nhận của S nợ*

K 3.569.000đ chẵn

(Ba triệu năm trăm sáu mươi chín chẵn)

(có chữ ký của S)

Hoàng S"

Tại cấp sơ thẩm:

Tại Đơn khởi kiện nguyên đơn ông Hoàng Văn S xác định trong năm 2003 bị đơn ông Vy Văn K đã mua hàng hóa, vay tiền của nguyên đơn với tổng số tiền là 64.555.000đồng. Do tiền mua hàng thịt lợn từ năm 2003 đến nay bị đơn chưa thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tiền mua hàng thịt lợn tính theo giá thị trường năm 2024. Vì vậy, tổng số tiền sẽ là 181.182.000đồng, cụ thể như sau:

Đối với số tiền bị đơn đã mua thịt, xương, lòng lợn bao gồm:

1. Ngày 30-4-2003 là 87kg thịt xô lọc x 19.000đồng = 1.653.000đồng; xương 28kg x 10.000đồng = 280.000đồng; lòng 01kg x 10.000đồng = 10.000đồng; tổng là 1.943.000đồng.

2. Ngày 25-5-2003 là 50,3kg thịt xô lọc x 19.000đồng = 955.700đồng; 21,5kg xương x 10.000đồng = 215.000đồng; tổng là 1.170.000đồng.
3. Ngày 26-5-2003 là 47,7kg thịt xô lọc x 19.000đồng = 906.000đồng; 11kg xương x 10.000đồng = 110.000đồng; tổng là 1.016.000đồng.
4. Ngày 28-5-2003 là 76,4kg thịt xô lọc x 19.000đồng = 1.451.000đồng; 19kg xương x 10.000đồng = 190.000đồng; tổng là 1.641.000đồng.
5. Ngày 01-6-2003 là 70kg thịt xô lọc x 19.000đồng = 1.330.000đồng; 21kg xương x 10.000đồng = 210.000đồng; 01kg lòng x 10.000đồng = 10.000đồng; tổng là 1.550.000đồng.
6. Ngày 03-6-2003 là 47,3kg thịt xô lọc x 19.000đồng = 890.000đồng; 10kg xương x 10.000đồng = 100.000đồng; tổng là 990.000đồng.
7. Ngày 05-6-2003 là 40kg thịt xô lọc x 19.000đồng = 760.000đồng; 15,5kg xương x 10.000đồng = 155.000đồng; tổng là 915.000đồng.
8. Ngày 08-6-2003 là 57kg thịt xô lọc x 19.000đồng = 1.083.000đồng; 10,5kg xương x 10.000đồng = 105.000đồng; tổng là 1.188.000đồng.
9. Ngày 10-6-2003 là 35kg thịt xô lọc x 19.000đồng = 665.000đồng; 15kg xương x 10.000đồng = 150.000đồng; tổng là 815.000đồng.
10. Ngày 12-6-2003 là 72kg thịt xô lọc x 19.000đồng = 1.368.000đồng; 15kg xương x 10.000đồng = 150.000đồng; tổng là 1.518.000đồng.
11. Ngày 14-6-2003 là 52,3kg thịt xô lọc x 19.000đồng = 993.700đồng; 15kg xương x 10.000đồng = 150.000đồng; tổng là 1.143.700đồng.
12. Ngày 16-6-2003 là 62,5kg thịt xô lọc x 19.000đồng = 1.187.500đồng; 14kg xương x 10.000đồng = 140.000đồng; tổng là 1.327.500đồng.
13. Ngày 18-6-2003 là 86kg thịt mót hàm x 16.000đồng = 1.376.000đồng.
14. Ngày 20-6-2003 là 72kg thịt xô lọc x 19.000đồng = 1.368.000đồng; 17kg xương x 10.000đồng = 170.000đồng; tổng là 1.538.000đồng.
15. Ngày 22-6-2003 là 71kg xô lọc x 19.000đồng = 1.358.000đồng; 23kg xương x 10.000đồng = 230.000đồng; 03kg lòng x 10.000đồng = 30.000đồng; 01kg dạ dày x 25.000đồng = 25.000đồng; 01kg mỡ lá x 45.000đồng = 45.000đồng; tổng là 1.658.000đồng.
16. Ngày 13-10-2003 là 29kg thịt xô lọc x 19.000đồng = 551.000đồng; 12kg xương x 10.000đồng = 120.000đồng; 04kg lòng x 10.000đồng = 40.000đồng; tổng là 711.000đồng.
17. Ngày 16-10-2003 là 45kg thịt xô lọc x 19.000đồng = 855.000đồng; 12kg xương x 10.000đồng = 120.000đồng; 04kg lòng x 10.000đồng = 40.000đồng; tổng là 1.031.000đồng.
18. Ngày 18-10-2003 là 72kg xô lọc x 19.000đồng = 1.368.000đồng; 10kg xương x 10.000đồng = 100.000đồng; tổng là 1.468.000đồng.

(Tính theo năm 2003 có tổng là 22.918.900đồng nhưng theo giá thị trường năm 2024 là 139.545.000đồng).

Đối với số tiền bị đơn đã vay, đã mua hàng tạp hóa ... bao gồm:

1. Khoảng tháng 6-2002, bị đơn thuê nguyên đơn bán thịt lợn mỗi ngày 20.000đồng (làm khoảng trong một năm, tổng tiền công là 1.068.000đồng).
2. Ngày 03-3-2003 vay 03 lần: Lần 1 vay 1.000.000đồng; lần 2 vay 500.000đồng; lần 3 vay 450.000đồng.
3. Ngày 27-7-2003 vay 9.794.000đồng.
4. Không nhớ ngày: Mua hàng tạp hóa nợ 2.160.000đồng.
5. Không nhớ ngày: Vay 6.000.000đồng.
6. Không nhớ ngày: Vay 5.000.000đồng.
7. Không nhớ ngày, mua hàng nợ 3.353.000đồng.
8. Không nhớ ngày: Vay 5.000.000đồng.
9. Không nhớ ngày: Mua hàng nợ 2.719.000đồng.
10. Không nhớ ngày: Mua hàng nợ 1.233.000đồng.
11. Nguyên đơn cân nhựa thuê cho bị đơn 15 ngày x 20.000đồng/1 ngày = 300.000đồng.
12. Không nhớ ngày: Mua 02kg thịt lợn x 20.000đồng = 40.000đồng.
13. Ngày 10-9-2003 vay 100.000đồng mua thịt trâu và mua 2kg gà x 30.000đồng = 60.000đồng; tổng là 160.000đồng.
14. Không nhớ ngày: Vay 50.000đồng.
15. Không nhớ ngày: Ông Vi Văn Đ em trai bị đơn vay 40.000đồng.
16. Không nhớ ngày: Vay 25.000đồng.
17. Không nhớ ngày: Ông Vi Văn Đ mua Côca 30.000đồng.
18. Không nhớ ngày: Ông Vi Văn Đ mua vịt 1,7kg x 25.000đồng = 42.000đồng.
19. Không nhớ ngày: Mua 3,7kg vịt = 92.000đồng.
20. Không nhớ ngày: Bà Nguyễn Thị H vợ bị đơn mua vịt 02kg x 25.000đồng = 50.000đồng.
21. Không nhớ ngày: Bà Nguyễn Thị H mua vịt 4,4kg x 25.000đồng = 110.000đồng.
22. Không nhớ ngày: Vay 130.000đồng.
23. Không nhớ ngày: Mua 01 con gà 02kg x 30.000đồng = 60.000đồng.
24. Không nhớ ngày: Mua 2,5kg thịt lợn x 20.000đồng = 50.000đồng.

25. Không nhớ ngày: Mua 12 lít dầu máy = 30.000đồng.

Tổng 25 khoản là 41.637.000đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 05 nội dung liên quan đến nội dung có ghi ông Vi Văn Đ và bà Nguyễn Thị H mua hàng, vay tiền với tổng số tiền là 272.000đồng. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 180.910.000đồng. Nguyên đơn chưa yêu cầu bị đơn trả tiền lãi, khi nào nguyên đơn có yêu cầu trả lãi thì sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Toàn bộ nội dung đối với số tiền 19.808.000đồng thể hiện tại Sổ ghi chép của nguyên đơn là chữ viết, chữ ký do bị đơn thực hiện. Phần ghi nội dung đối với số tiền 3.569.000đồng thể hiện Sổ ghi chép của bị đơn do bị đơn viết; còn chữ ký và họ tên phía dưới nội dung đó là do nguyên đơn ký và ghi họ tên của mình. Tuy nhiên, nguyên đơn cho rằng khi ký vào Sổ ghi chép của bị đơn thì nguyên đơn không xem nội dung và đây là số tiền mặt bị đơn ngày hôm đó trực tiếp trả tạm ứng cho nguyên đơn. Nguyên đơn thừa nhận từ ngày 27-12-2003 đến ngày 07-10-2006 bị đơn đã nhiều lần trả tiền cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn không ghi sổ, không nhớ số lần đã nhận và không nhớ tổng số tiền đã nhận.

Bị đơn ông Vy Văn K trình bày: Trong năm 2003 bị đơn có lấy hàng thịt lợn của nguyên đơn và bản thân nguyên đơn có làm thuê một số công việc cho bị đơn. Năm 2003 bị đơn không mua hàng hóa tạp hóa với số tiền như nguyên đơn đưa ra và cũng không vay tiền của nguyên đơn như nguyên đơn tự ghi chép. Sau khi không còn mua bán gì với nhau thì ngày 27-12-2003 hai bên đã đối chiếu các khoản xác định bị đơn còn nợ lại nguyên đơn 19.808.000đồng, bị đơn đã ký vào sổ của nguyên đơn xác nhận nội dung này. Sau đó bị đơn đã trả tiền cho nguyên đơn nhiều lần, với các mốc thời gian và số tiền khác nhau, việc trả tiền bị đơn không ghi chép sổ mà chỉ giao hẹn miệng với nguyên đơn. Đến ngày 07-10-2006, giữa hai bên đã cộng trừ sổ sách tất cả các khoản với nhau xác định số tiền bị đơn trả cho nguyên đơn đã thừa ra 3.569.000đồng. Vì vậy, bị đơn đã yêu cầu nguyên đơn ký nhận nội dung này vào Sổ theo dõi của bị đơn. Từ đó đến nay hai bên không còn có giao dịch kinh doanh gì với nhau. Bản thân bị đơn vẫn là người kinh doanh từ đó đến nay, còn nguyên đơn đã không còn kinh doanh nữa và số tiền 3.569.000đồng cũng không nhiều nên bị đơn chưa yêu cầu nguyên đơn trả lại. Nay sau gần 20 năm nguyên đơn lại khởi kiện đòi bị đơn trả tiền mua thịt lợn, tiền vay, tiền mua hàng tạp hóa là không có căn cứ, không phù hợp với thực tế và không phù hợp với giấy tờ đã xác nhận giữa hai bên vào ngày 07-10-2006. Do đó, bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với số tiền 3.569.000đồng nguyên đơn đang nợ bị đơn hiện bị đơn chưa yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lù Thị L trình bày: Bà là vợ của nguyên đơn, bà cũng xác định sau năm 2003 bị đơn có ứng tiền trả cho nguyên đơn vài lần nhưng bà không nhớ số tiền cụ thể và không nhớ thời gian

đã trả mỗi lần đó, nguyên đơn cũng không ghi chép gì việc ứng tiền giữa các bên. Bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chị Hoàng Diệu L, anh Hoàng Văn Đ, chị Hoàng Diệu B đều trình bày: Họ là con của nguyên đơn, họ xác định không quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vì khi đó họ còn nhỏ. Họ từ chối tham gia tố tụng vào đều có đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 17-4-2025 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 01/2025/QĐ-SCBSBA ngày 28-4-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Lạng Sơn, trước đây là Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 19.808.000đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với 20 khoản tiền vay nợ và mua hàng, tiền chênh lệch giá thịt lợn tại thời điểm năm 2003 với năm 2024 và tiền bán thịt lợn không được bị đơn xác nhận nợ với tổng số tiền yêu cầu không được chấp nhận là 161.102.000đồng.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn trả 05 khoản tiền do ông Vi Văn Đ và bà Nguyễn Thị H mua hàng số tiền 272.000đồng. Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại vụ án với nội dung đã đình chỉ theo quy định.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, về án phí, về quyền kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, bị đơn ông Vy Văn K kháng cáo một phần bản án, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền là 19.808.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn.

Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình. Có đương sự vắng mặt nhưng đã có đề nghị xét xử vắng mặt; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

2. Về việc giải quyết kháng cáo: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa thấy rằng: Trong quá trình làm ăn

khi hai bên quyết toán với nhau thì mới có sự việc xác nhận ngày 27-12-2003 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 19.808.000đồng. Sau ngày này đến ngày 07-10-2006 bị đơn đã thanh toán tiền nhiều lần cho nguyên đơn và chính nguyên đơn cũng thừa nhận. Nguyên đơn cho rằng khi ký xác nhận số tiền 3.569.000đồng là nhận tiền mặt với bị đơn, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm vợ nguyên đơn lại khẳng định đây là số tiền tạm ứng do bị đơn trả trước đó cộng dồn lại, không có sự việc trả tiền mặt như nguyên đơn trình bày. Nên tính đến ngày 07-10-2006 xác định bị đơn đã trả tiền cho nguyên đơn nhiều hơn số tiền 19.808.000đồng mà bị đơn đã nợ. Nguyên đơn cho rằng số tiền 3.569.000đồng do bị đơn đưa cho để trả nợ vào số tiền 19.808.000đồng nhưng lại không trừ số tiền nợ đó là không phù hợp với quá trình diễn biến thực tế hai bên chốt nợ có xác nhận với nhau. Vì thế có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo của bị đơn; sửa Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Lạng Sơn, trước đây là Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn. Do kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, có người tham gia tố tụng vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn 02 khoản tiền gồm: Tiền giao thịt lợn cho nguyên đơn vào năm 2003 nhưng tính theo giá thị trường năm 2024 là 139.545.000đồng và tiền vay nợ, tiền mua hàng tạp hóa ... năm 2003 là 41.637.000đồng; tổng cộng là 181.182.000đồng. Trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 05 khoản do ông Vi Văn Đ và bà Nguyễn Thị H là vợ và em trai của bị đơn đã giao dịch với tổng số tiền là 272.000đồng. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã đình chỉ xét xử vấn đề này. Các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Như vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả 139.545.000đồng tiền giao thịt lợn năm 2003 nhưng tính theo giá thị trường năm 2024 và 41.365.000đồng tiền vay nợ, tiền mua hàng tạp hóa ... năm 2023; tổng là 180.910.000đồng. Cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền giao thịt lợn năm 2023 là 19.808.000đồng; còn toàn bộ các yêu cầu khác của nguyên đơn với tổng số tiền 161.102.000đồng không được cấp sơ thẩm chấp nhận. Đối với tổng số tiền 161.102.000đồng không được cấp sơ thẩm chấp nhận, sau khi xét xử các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn đối với số tiền là 19.808.000đồng, thấy rằng:

[5] Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận: Trong năm 2003 giữa nguyên đơn và bị đơn có việc mua bán thịt lợn với nhau, bị đơn nhiều lần được nhận thịt

lợn với nguyên đơn; bị đơn cũng đã nhiều lần trả tiền (ứng tiền) mua hàng với nguyên đơn nhưng không ghi chép sổ sách mà chỉ trao đổi miệng để đối trừ với nhau. Vào ngày 27-12-2003 hai bên đã cộng trừ tiền hàng hóa, tiền đã thanh toán với nhau và xác định bị đơn nợ nguyên đơn tổng số tiền là 19.808.000đồng. Nội dung này thể hiện rõ trong Sổ ghi chép của nguyên đơn. Từ sau ngày 27-12-2003 giữa nguyên đơn và bị đơn không còn mua bán thịt lợn với nhau. Từ sau ngày 27-12-2003 đến trước ngày 07-10-2006 nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã nhiều lần trả tiền cho nguyên đơn lúc thì 200.000đồng đến 300.000đồng, lúc thì 1.000.000đồng đến 2.000.000đồng. Vấn đề này còn được chính vợ của nguyên đơn là bà Lù Thị L cũng xác nhận. Mặc dù cả nguyên đơn và bị đơn đều không nhớ chính xác số lần, số tiền mỗi lần trả và thời gian mỗi lần trả nhưng cả hai đều thừa nhận có việc trả tiền đó và hai bên chỉ giao nhận miệng, không ghi chép sổ sách.

[6] Tại Sổ ghi chép của bị đơn thể hiện vào ngày 07-20-2006 công nhận nguyên đơn nợ bị đơn số tiền 3.569.000đồng. Đối với vấn đề này bị đơn cho rằng ngày hôm đó giữa hai bên đã thanh quyết toán tất cả các loại nợ nần, hàng hóa mua bán với nhau từ sau thời điểm ngày 27-12-2003 đến ngày 07-10-2006. Qua đối chiếu xác định số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn nhiều hơn số tiền bị đơn còn nợ, nên nguyên đơn đã xác nhận còn nợ bị đơn số tiền 3.569.000đồng (có đuôi lẻ đến 9.000đồng); ngày hôm đó không hề có việc bị đơn trả tiền mặt cho nguyên đơn. Còn nguyên đơn cho rằng tuy nguyên đơn có ký và ghi rõ họ tên vào Sổ ghi chép của bị đơn tại nhà bị đơn dưới nội dung: Tổng cộng công nhận nguyên đơn nợ bị đơn 3.569.000đồng chẵn nhưng khi ký nguyên đơn không đọc nội dung mà bị đơn đã viết trước đó, thực tế ngày hôm đó không phải nguyên đơn nợ lại bị đơn 3.569.000đồng mà ngày hôm đó bị đơn mới có 3.569.000đồng tạm ứng trả cho nguyên đơn. Đối với vấn đề này thấy:

[7] Thứ nhất: Tại thời điểm ngày 07-10-2006 nguyên đơn cũng thừa nhận: Nguyên đơn hoàn toàn minh mẫn, khỏe mạnh, khi ký và ghi rõ họ tên vào Sổ ghi chép của bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Nên xác định khi đó nguyên đơn là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình.

[8] Thứ 2: Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn khẳng định rõ số tiền 3.569.000đồng nguyên đơn nhận trực tiếp từ bị đơn gồm các tờ tiền có các mệnh giá 200.000đồng, 100.000đồng và 50.000.000đồng. Việc nguyên đơn cho rằng bị đơn trả tiền mặt cho nguyên đơn khi đó ngoài lời khai của nguyên đơn thì không có người chứng kiến và không có tài liệu, chứng cứ nào khác thể hiện vấn đề nhận số tiền mặt này. Với các mệnh giá tiền như trên thì việc nguyên đơn cho rằng được nhận tiền mặt mà bị đơn trả có số đuôi lẻ đến 69.000đồng là không đúng, là bất hợp lý, là mâu thuẫn với mệnh giá các tờ tiền đã nhận và không phù hợp với thực tế khách quan.

[9] Thứ 3: Mặt khác, vợ của nguyên đơn lại xác định ngày 07-10-2006, nguyên đơn không được nhận trực tiếp 3.569.000đồng từ bị đơn mà đây là tiền cộng dồn số tiền những lần bị đơn đã tạm ứng thanh toán từ sau ngày 27-12-

2003 đến trước ngày 07-10-2006. Điều đó là hoàn toàn mâu thuẫn với chính những gì nguyên đơn đã trình bày ở trên. Ngoài ra, nếu thực tế có việc bị đơn mới trả cho nguyên đơn số tiền 3.569.000đồng thì nguyên đơn phải đối trừ với số tiền mà theo nguyên đơn là bị đơn còn đang chưa thanh toán nhưng nguyên đơn đã không thực hiện và không có ý kiến gì về số tiền 3.569.000đồng đã nhận. Điều này là phi lý, là bất bình thường, không phù hợp với việc nợ tiền và trả tiền thông thường.

[10] Thứ 4: Từ ngày 07-10-2006 đến khi nguyên đơn viết đơn khởi kiện để gửi cho Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 13-11-2024 là đã gần 18 năm. Trong khi nguyên đơn và bị đơn đều sinh sống cùng trên địa bàn.

[11] Như vậy, lời trình bày của nguyên đơn về vấn đề này là không có căn cứ, không phù hợp với thực tế khách quan, không phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác. Lời trình bày của bị đơn là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác và phù hợp với thực tế khách quan. Do đó có căn cứ xác định ngày 07-10-2006 giữa hai bên có việc đối trừ, chốt công nợ. Từ thời điểm ngày 07-10-2006 đến nay, hai bên đều xác nhận không có việc mua bán hàng hóa với nhau, cũng không có việc trả tiền gì cho nhau, việc ghi ghép tại sổ của nguyên đơn nội dung bị đơn còn nợ số tiền 19.808.000đồng đã không còn có giá trị bởi đã bị bác bỏ bằng việc chốt công nợ vào ngày 07-10-2006.

[12] Cấp sơ thẩm nhận định cho rằng: Ngày 27-12-2003 tại sổ của nguyên đơn, hai bên chốt sổ với nhau xác định bị đơn nợ nguyên đơn số tiền 19.808.000đồng, bị đơn vẫn chưa trả cho nguyên đơn. Đến ngày 07-10-2006 tại sổ của bị đơn, bị đơn cũng chốt sổ xác định là nguyên đơn có nợ bị đơn số tiền 3.569.000đồng. Đến nay hai bên vẫn chưa thanh toán cho nhau số tiền đã ghi trong sổ của các bên vì sổ ghi nợ của các bên có chữ ký vẫn chưa được gạch xóa, hai sổ ghi chép của hai bên là độc lập với nhau, các bên tự ghi chép sau đó có xác nhận của nhau. Từ đó xác định bị đơn vẫn còn nợ nguyên đơn số tiền 19.808.000đồng và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ các chứng cứ.

[13] Từ những phân tích, đánh giá trên có đủ căn cứ không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 19.808.000đồng; có đủ căn cứ pháp luật để chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Nên phải sửa bản án dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[14] Do sửa án sơ thẩm nên cấp phúc thẩm phải xác định lại nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với tổng số tiền yêu cầu không được chấp nhận là $180.910.000 \text{ đồng} \times 5\% = 9.045.500 \text{ đồng}$ để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 4.530.000đồng mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí, nguyên đơn còn phải nộp tiếp số tiền là 4.515.500đồng.

[15] Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bị đơn số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí phúc

thẩm đã nộp.

[16] Xét đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ pháp lý, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[17] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Vy Văn K; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 17-4-2025 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 01/2025/QĐ-SCBSBA ngày 28-4-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Lạng Sơn, trước đây là Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

Căn cứ các Điều 5, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, Điều 218, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn S về việc yêu cầu bị đơn ông Vy Văn K phải trả tổng số tiền 180.910.000đồng (một trăm tám mươi triệu chín trăm mười nghìn đồng) phát sinh từ việc mua hàng, vay nợ trong năm 2003.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Hoàng Văn S phải chịu 9.045.500đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung vào ngân sách Nhà nước. Ngày 13-11-2024 ông Hoàng Văn S đã nộp 4.530.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002859 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ, ông Hoàng Văn S còn phải nộp tiếp số tiền 4.515.500đồng (bốn triệu năm trăm mười năm nghìn năm trăm đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Vy Văn K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bị đơn ông Vy Văn K số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002902 ngày 07-5-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5, tỉnh Lạng Sơn.

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm 1 TANDTC;
- Viện Phúc thẩm 1 TANDTC;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TANDKV 5, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSNDKV 5, tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng THADSKV5, tỉnh Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
-;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Hoa